

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2017/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thanh.

2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần A, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn A, xã X, huyện B, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn A, xã X, huyện B, tỉnh N

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2017, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần A và chị Nguyễn Thị B chung sống với nhau có con và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định vào ngày 05 tháng 8 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm nên chị B đã bỏ nhà đi từ tháng 01/2011 cho đến nay không có tin tức gì dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn được. Anh A không liên lạc được với chị B nên yêu cầu tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tuyên bố chị B mất tích. Ngày 21/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn ban hành Quyết định số

16/2017/QĐST-VDS tuyên bố chị Nguyễn Thị B mất tích. Nay anh A yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần Thị C, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2010 hiện đang sống với anh A. Ly hôn, anh A yêu cầu được nuôi con, anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh A không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án không thể thực hiện được việc cấp tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị B. Theo kết quả xác minh tại công an xã Hoài Thanh Tây, chị B vắng mặt tại địa phương từ tháng 01 năm 2011 đến nay, hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng của chị B tại Thôn Ngọc An Đông, xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị B theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của chị B, Ủy ban nhân dân xã Hoài Thanh Tây và Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn nhưng chị B vắng mặt không có lý do.

Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh A và chị B được biết: Anh A và chị B kết hôn năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà anh A ở thôn Ngọc An Đông, xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, sau đó vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, không rõ nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như thế nào mà đến nay chị B không quay về địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Trần A ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

+ Về con chung: Nguyễn Thị C, sinh ngày 20/6/2010 hiện đang sống với anh A nên đề nghị Tòa giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng : Anh Trần A và chị Nguyễn Thị B có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Ngọc An Đông, Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì yêu cầu của anh Trần A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Hoài Nhơn.

Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng chị B luôn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị B.

[2] Về nội dung: anh Trần A và chị Nguyễn Thị B tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định vào ngày 05 tháng 8 năm 2010. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng anh A chị B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm nên chị B đã bỏ nhà đi từ tháng 01 năm 2011 cho đến nay không có tin tức gì, theo đơn yêu cầu của anh A, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn ban hành Quyết định số 16/2017/QĐST-VDS ngày 21 tháng 02 năm 2017 tuyên bố chị Nguyễn Thị B mất tích. Anh A và chị B không liên lạc với nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh Trần A yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Yêu cầu ly hôn của anh A đối với chị B là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần Thị C, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2010 hiện đang sống với anh A. Anh A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy con chung của anh chị hiện đang sống với anh A, nghĩ nên giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh A không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Trần A phải chịu 300.000đ sung công quỹ Nhà nước.

[7] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn về nội dung là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần A và chị Nguyễn Thị B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị C, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2010 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Trần A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh A đã nộp theo biên lai thu số 01990 ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS huyện Hoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Thanh Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích

